



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020  
và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020  
và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 29

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

### **2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Bà Phạm Thị Minh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Trần Quang Thái	Thành viên (Tái bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)
Ông Đinh Ngọc Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 22/7/2020)

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020 và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty được tổ chức ngày 22/7/2020 đã thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020. Theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty trước thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật của Công ty sau thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty.



**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

**6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam



**VŨ ANH TUẤN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020





Số: 023/2020/BCSX-HT.00075

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/8/2020, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ghi nhận khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn (Công ty liên kết) tại ngày 30/6/2020 là 75.338.639.584 đồng và tại ngày 01/01/2020 là 75.338.639.584 đồng. Dựa vào các thông tin về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn tại ngày 30/6/2020 mà chúng tôi đã thu thập được, giá trị dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn theo ước tính của chúng tôi tại ngày 30/6/2020 là 2.637.701.952 đồng (thấp hơn số liệu Công ty đang ghi nhận là 72.700.937.632 đồng) và tại 01/01/2020 là 2.622.840.742 đồng (thấp hơn số liệu Công ty ghi nhận là 72.715.798.842 đồng).

Nếu điều chỉnh khoản dự phòng nêu trên, Chỉ tiêu Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 254) trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2020 sẽ giảm 72.700.937.632 đồng, tại ngày 01/01/2020 sẽ giảm 72.715.798.842 đồng; Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tại 30/6/2020 sẽ tăng 72.700.937.632 đồng, tại ngày 01/01/2020 sẽ tăng 72.715.798.842 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020, chỉ tiêu Chi phí tài chính (Mã số 22) sẽ tăng 14.861.210 đồng.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.321.165.330.490 đồng, chiếm 88,08% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 30/6/2020 Công ty có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



---

**NGUYỄN TRUNG THÀNH**

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh  
Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và  
kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>66.731.069.229</b>	<b>67.084.902.717</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>75.323.373</b>	<b>64.271.793</b>
Tiền	111		75.323.373	64.271.793
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	350.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(296.000.000)	(296.000.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.466.686.123</b>	<b>66.862.355.285</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	129.882.649.442	132.477.627.971
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.109.564.951	10.270.581.755
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.997.110.364	7.581.762.722
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(81.522.638.634)	(83.467.617.163)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	-	-
Hàng tồn kho	141		8.910.019.214	8.910.019.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.910.019.214)	(8.910.019.214)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>135.059.733</b>	<b>104.275.639</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
Thuế GTGT được khấu trừ	152		101.822.117	71.038.023
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	33.237.616	33.237.616
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.728.923.278</b>	<b>146.660.206.552</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.311.099)	(675.311.099)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>144.728.923.278</b>	<b>146.660.206.552</b>
Đầu tư vào công ty con	251		216.000.000.000	216.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		121.800.000.000	121.800.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(193.071.076.722)	(191.139.793.448)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>211.459.992.507</b>	<b>213.745.109.269</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh  
Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu  
từ ngày 01/01/2020 và  
kết thúc ngày 30/6/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.456.208.113</b>	<b>5.724.274.678</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.456.208.113</b>	<b>5.724.274.678</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	1.468.722.348	1.457.672.348
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		163.239.206	163.239.206
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	478.347.642	-
Phải trả người lao động	314		-	28.551.147
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	3.398.853.251	3.127.766.311
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	947.045.666
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>205.003.784.394</b>	<b>208.020.834.591</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.11	<b>205.003.784.394</b>	<b>208.020.834.591</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		26.169.114.884	26.169.114.884
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.321.165.330.490)	(1.318.148.280.293)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.318.148.280.293)	(1.227.956.096.868)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.017.050.197)	(90.192.183.425)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>211.459.992.507</b>	<b>213.745.109.269</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	-	<b>6.744.779.636</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		-	<b>6.744.779.636</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	6.677.999.640
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		-	<b>66.779.996</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.638	38.751
Chi phí tài chính	22	6.4	1.931.283.274	3.952.504.478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	301.787.675
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.085.777.561	546.423.291
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(3.017.050.197)</b>	<b>(4.432.109.022)</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(3.017.050.197)</b>	<b>(4.432.109.022)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(3.017.050.197)</b>	<b>(4.432.109.022)</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ HẠNH

NGUYỄN THỊ HẠNH

VŨ ANH TUẤN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(3.017.050.197)	(4.432.109.022)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
Các khoản dự phòng	03		(13.695.255)	(31.529.857.775)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.638)	35.180.510.772
Chi phí lãi vay	06		-	301.787.675
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3.030.756.090)</b>	<b>(479.668.350)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		2.309.863.597	1.302.352.746
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		731.933.435	(787.625.668)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>11.040.942</b>	<b>35.058.728</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.638	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.638</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>11.051.580</b>	<b>35.058.728</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>64.271.793</b>	<b>79.746.412</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>75.323.373</b>	<b>114.805.140</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ HẠNH



NGUYỄN THỊ HẠNH



VU ANH TUẤN



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14 tháng 7 năm 2003. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất của Công ty là lần thứ 16 số 4000386181 ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:** Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.

Hoạt động chính của Công ty là trồng cây cao su.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**Các công ty con tại ngày 30/6/2020, bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%

**Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2020, bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán được Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**4.1 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/6/2020 Công ty đang ghi nhận khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.321.165.330.490 đồng, chiếm 88,08% vốn điều lệ. Ngoài ra, tại ngày 30/6/2020 Công ty có khoản nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng (xem tại thuyết minh số 5.9 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ). Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong tương lai thông qua các hoạt động tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Giám đốc Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Vì vậy, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giá định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như nêu trên.

**4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con:** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Công ty liên doanh:** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết:** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**4.7 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**4.8 Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

**4.9 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.10 Doanh thu và thu nhập****Doanh thu cung bán hàng và cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập từ tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.11 Chi phí****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

**4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.13 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.14 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ cao Thái Sơn	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	289.166	12.384.616
Tiền gửi ngân hàng	75.034.207	51.887.177
<b>Cộng</b>	<b>75.323.373</b>	<b>64.271.793</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	Số lượng	30/6/2020				01/01/2020	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị chứng khoán kinh doanh		20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	296.000.000	296.000.000
Cổ phiếu		20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	296.000.000	296.000.000
Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu	VMG	20.000	350.000.000	296.000.000	20.000	350.000.000	296.000.000	296.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
			30/6/2020		01/01/2020			
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			216.000.000.000	(117.732.437.138)		216.000.000.000	(115.801.153.864)	
Công ty CP Công nghiệp Cao Su Quảng Nam			216.000.000.000	(117.732.437.138)	(*)	216.000.000.000	(115.801.153.864)	(*)
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh			121.800.000.000	(75.338.639.584)		121.800.000.000	(75.338.639.584)	
Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn			121.800.000.000	(75.338.639.584)	(*)	121.800.000.000	(75.338.639.584)	(*)
Cộng			337.800.000.000	(193.071.076.722)		337.800.000.000	(191.139.793.448)	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thông tin về các công ty con của Công ty vào ngày 30/6/2020:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam	Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	72%	72%	Trồng Cao su
Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/6/2020:				
Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49%	49%	Hoạt động tư vấn quản lý



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>
	VND
Số dư 01/01/2020	(191.139.793.448)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(1.931.283.274)
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>(193.071.076.722)</b>

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
+ Công ty CP Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long	616.500.601	616.500.601
+ Chi nhánh Công ty CP DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp	464.032.000	464.032.000
+ Trịnh Văn Hà (i)	1.525.710.896	1.525.710.896
+ Phạm Văn Minh (ii)	63.750.000.000	63.750.000.000
+ Đặng Thúy Hoan (iii)	800.000.000	800.000.000
+ Đỗ Thị Bé (iv)	56.800.000.000	56.800.000.000
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	5.926.405.945	8.521.384.474
<b>Cộng</b>	<b>129.882.649.442</b>	<b>132.477.627.971</b>
	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	VND	VND
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản phải thu của Ông Trịnh Văn Hà liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây.
- (ii) Khoản phải thu của Ông Phạm Văn Minh liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thủy sản Viễn Đông. Đến thời điểm 30/6/2020, khoản công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%.
- (iii) Khoản phải thu của Bà Đặng Thúy Hoan liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam.
- (iv) Khoản phải thu của Bà Đỗ Thị Bé liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.4. Phải thu khác**

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Điện tử - Viễn thông Tin học Bưu điện	665.618.333	(665.618.333)	665.618.333	(665.618.333)
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam (*)	7.326.992.031	-	6.848.644.389	-
Tạm ứng	4.500.000	-	67.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.997.110.364</b>	<b>(665.618.333)</b>	<b>7.581.762.722</b>	<b>(665.618.333)</b>

(\*) Các khoản chi hộ phải thu công ty con

**5.5. Nợ xấu**

Thời hạn nợ	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Cổng nợ phải thu khách hàng</b>	<b>129.882.649.442</b>	<b>59.125.710.896</b>	<b>75.239.794.972</b>	<b>1.887.877.897</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	70.756.938.546	-	73.196.702.645	-
Nợ quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.525.710.896	1.525.710.896	-	-
Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	56.800.000.000	56.800.000.000	517.381.431	362.167.001
Nợ dưới 6 tháng	800.000.000	800.000.000	1.525.710.896	1.525.710.896
<b>Ứng trước cho người bán</b>	<b>10.100.081.755</b>	<b>-</b>	<b>11.468.697.355</b>	<b>2.018.615.600</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	10.100.081.755	-	8.800.081.755	-
Nợ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	-	1.300.000.000	650.000.000
Nợ dưới 6 tháng	-	-	1.368.615.600	1.368.615.600
<b>Phải thu khác</b>	<b>7.992.610.364</b>	<b>7.326.992.031</b>	<b>7.514.262.722</b>	<b>6.848.644.389</b>
Nợ quá hạn trên 3 năm	665.618.333	-	665.618.333	-
Nợ dưới 6 tháng	7.326.992.031	7.326.992.031	6.848.644.389	6.848.644.389
<b>Cộng</b>	<b>147.984.824.757</b>	<b>66.452.702.927</b>	<b>94.222.755.049</b>	<b>10.755.137.886</b>

(\*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>
	VND
Số dư 01/01/2020	(83.467.617.163)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(650.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	2.594.978.529
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>(81.522.638.634)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.6. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	8.910.019.214	(8.910.019.214)	8.910.019.214	(8.910.019.214)
<b>Cộng</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>	<b>8.910.019.214</b>	<b>(8.910.019.214)</b>

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Phần mềm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư 01/01/2020	675.311.099	675.311.099
Mua trong kỳ	-	-
Số dư 30/6/2020	675.311.099	675.311.099
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>		
Số dư 01/01/2020	675.311.099	675.311.099
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư 30/6/2020	675.311.099	675.311.099
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Tại ngày 30/6/2020	-	-

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 675.311.099 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**5.8. Phải trả người bán**

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000	727.975.000	727.975.000
Phải trả khác	740.747.348	740.747.348	729.697.348	729.697.348
<b>Cộng</b>	<b>1.468.722.348</b>	<b>1.468.722.348</b>	<b>1.457.672.348</b>	<b>1.457.672.348</b>

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
+ Công ty Đầu tư & PT Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam	155.457.170	155.457.170
+ Công ty CP Cơ khí Xây dựng Số 4	132.610.100	132.610.100
+ Công Ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát	727.975.000	727.975.000
+ Các đối tượng khác	343.139.166	343.139.166
<b>Cộng</b>	<b>1.359.181.436</b>	<b>1.359.181.436</b>

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**Phải nộp**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	420.648.571	-	420.648.571
Các loại thuế khác	-	60.699.071	3.000.000	57.699.071
<b>Cộng (*)</b>	<b>-</b>	<b>481.347.642</b>	<b>3.000.000</b>	<b>478.347.642</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2020, Công ty còn nợ quá hạn tiền thuế phải nộp Ngân sách nhà nước với số tiền 478.347.642 đồng, và Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã thực hiện cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp phong tỏa các tài khoản của Công ty mở tại các ngân hàng.

**Phải thu**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.153.725	-	-	1.153.725
Thuế tài nguyên	32.083.891	-	-	32.083.891
<b>Cộng</b>	<b>33.237.616</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.237.616</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Phải trả khác**

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	71.570.133	69.557.193
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.327.283.118	3.058.209.118
<i>Vũ Anh Tuấn</i>	<i>1.089.074.000</i>	<i>820.000.000</i>
<i>Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam - Tiền mua cổ phần Thái Sơn</i>	<i>2.100.000.000</i>	<i>2.100.000.000</i>
Các khoản phải trả khác	138.209.118	138.209.118
<b>Cộng</b>	<b>3.398.853.251</b>	<b>3.127.766.311</b>

**5.11. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.228.114.904.489)</b>	<b>298.054.210.395</b>
Tăng khác			158.807.621	158.807.621
Lỗi trong năm trước	-	-	(90.192.183.425)	(90.192.183.425)
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.318.148.280.293)</b>	<b>208.020.834.591</b>
Lỗi trong kỳ này			(3.017.050.197)	(3.017.050.197)
<b>Số dư 30/6/2020</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>26.169.114.884</b>	<b>(1.321.165.330.490)</b>	<b>205.003.784.394</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn góp của các cổ đông	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Cổ phiếu**

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	150.000.000	150.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính từ 01/01/2020 đến 30/6/2020:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	-	6.744.779.636
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.744.779.636</b>
	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	6.677.999.640
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.677.999.640</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.638	38.751
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.638</b>	<b>38.751</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	301.787.675
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	35.180.510.772
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.931.283.274	2.924.981.610
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(34.454.839.405)
Chi phí tài chính khác	-	63.826
<b>Cộng</b>	<b>1.931.283.274</b>	<b>3.952.504.478</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nhân công	106.979.617	165.975.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.797.944	377.348.291
Chi phí khác bằng tiền	8.000.000	3.100.000
Dự phòng phải thu khó đòi	650.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.085.777.561</b>	<b>546.423.291</b>

**6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	106.979.617	165.975.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.797.944	377.348.291
Chi phí khác bằng tiền	8.000.000	3.100.000
Chi phí dự phòng	650.000.000	3.100.000
<b>Cộng</b>	<b>1.085.777.561</b>	<b>546.423.291</b>

**6.7. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty được tổ chức ngày 22/7/2020 đã thông qua việc thay đổi tên Công ty và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-DHCD/VHG ngày 22/7/2020. Theo đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty trước thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Tổng Giám đốc; Người đại diện theo pháp luật của Công ty sau thay đổi là Ông Vũ Anh Tuấn - Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>
	VND	VND
<b>Mượn tiền</b>		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT	269.074.000	300.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt:*

	<b>30/6/2020</b> VND	<b>01/01/2020</b> VND
<b>Phải trả khác</b>		
Ông Vũ Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.089.074.000	820.000.000

*Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác*

	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b> VND	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b> VND
<b>Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam</b>		
Thu tiền		-
Nộp hộ tiền thuê đất	-	118.934.082

*Công nợ với các bên liên quan khác*

	<b>30/6/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	7.326.992.031	6.848.644.389

**7.3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 và số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty.

**Người lập biểu**

**NGUYỄN THỊ HẠNH****Kế toán trưởng**

**NGUYỄN THỊ HẠNH**

Quảng Nam, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**Chủ tịch Hội đồng quản trị****VŨ ANH TUẤN**